

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KCN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**

**TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016**

Đồng Nai, tháng 4 năm 2016



Số: 07 /TM-CTGT-HĐQT

Đồng Nai, ngày 14 tháng 4 năm 2016

THƯ MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016

Kính gửi: Quý cổ đông

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai trân trọng kính mời Quý vị cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 như sau:

- 1. Thời gian:** Một buổi, khai mạc lúc **08h00'**, ngày 29 tháng 4 năm 2016 (thứ sáu).
- 2. Địa điểm:** Hội trường Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai, số 200 đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Nội dung:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2015, kế hoạch 2016 và Tổng kết nhiệm kỳ II (2011-2015); Phương hướng nhiệm kỳ III (2016-2020);
- Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2015 và Báo cáo hoạt động nhiệm kỳ II (2011-2015);
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016;
- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2015;
- Chi trả thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2015 và mức thù lao HĐQT, thành viên BKS và mức lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách năm 2016;
- Sửa đổi điều lệ Công ty;
- Bầu cử thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2016-2020).

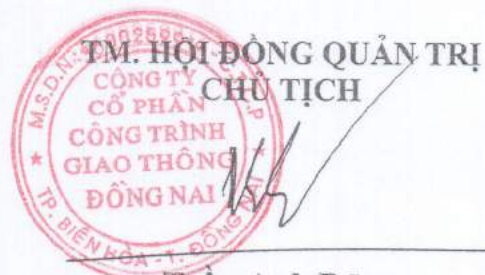
4. Tài liệu Đại hội: Toàn bộ tài liệu chính thức của cuộc họp được đăng tải trên Website: www.ctgtdongnai.com.vn từ ngày 14/4/2016 và đồng thời được phát khi đến tham dự họp.

5. Thành phần và điều kiện tham dự: Tất cả Quý cổ đông của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai theo danh sách chốt đến ngày 08/4/2016 có quyền tham dự họp. Trường hợp ủy quyền tham dự họp, cổ đông phải lập Phiếu ủy quyền tham dự theo mẫu đính kèm.

Đề nghị Quý cổ đông hoặc người được ủy quyền mang theo bản gốc CMND/hộ chiếu để làm thủ tục trước khi tham dự họp theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Đăng ký tham dự: Đề công tác tổ chức và phục vụ cuộc họp được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận vào phiếu Đăng ký/ủy quyền tham dự họp (đính kèm thư mời này) gửi về Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai, địa chỉ số 200, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai hoặc số Fax: 0613.899750 trước 16 giờ ngày 26/4/2016.

Hân hạnh được đón tiếp.



Trần Anh Dũng



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

200 Nguyễn Ái Quốc, P. Trảng Dài, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai

Điện thoại: 061. 3899860;

Fax: 061.3899750

Website: ctgtdongnai.com.vn

Email: ctgt@viettel.vn



**PHIẾU ĐĂNG KÝ/ỦY QUYỀN
THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016**

Tên cá nhân/ tổ chức:

Người đại diện (đối với Tổ chức):

CMND/GPĐKDN số: cấp ngày: tại:

Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại: Fax: Email:

Tổng số cổ phần sở hữu:

Bảng chữ:

Đăng ký tham dự.

Ủy quyền tham dự cho:

Ông (bà): Chức vụ ở tổ chức (nếu có)

CMND số: cấp ngày:, tại:

Điện thoại: Fax: Email:

(* **Hoặc cho một trong những Ông/Bà có tên dưới đây:**

Ông Trần Anh Dũng Chủ tịch HĐQT Công ty.

Ông Bi Long Sơn Thành viên HĐQT Công ty.

Ông Trần Hường Quảng Thành viên HĐQT Công ty.

Được quyền thay mặt tôi tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 của Cty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai vào ngày 29/4/2016 (thứ sáu).

....., ngày tháng 4 năm 2016

Người đăng ký tham dự/ ủy quyền

(Ký và ghi rõ họ tên)
(đóng dấu nếu là tổ chức)

Người nhận ủy quyền

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Số lượng quyền được nhận bằng với số lượng cổ phiếu nắm giữ;

- Trường hợp Cổ đông không chọn được người để ủy quyền thì có thể ủy quyền cho một trong những thành viên có tên tại mục (*);

- Giấy ủy quyền này xin gửi về Công ty trước: 16 giờ ngày 26/4/2016. Địa chỉ Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai, số 200, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: 061.3899860; Fax: 061.3899750.

CHƯƠNG TRÌNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2016

(Ngày 29 tháng 4 năm 2015)

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
7h30 – 8h00	Đón tiếp đại biểu, cổ đông Đăng ký danh sách cổ đông tham dự, phát tài liệu, phiếu biểu quyết cho cổ đông tham dự	Ban tổ chức
8h00 – 8h10	Chào cơ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự	Ban tổ chức
8h10 – 8h15	Báo cáo tư cách Cổ đông, đại diện cổ đông tham dự Đại hội.	Ban tổ chức
8h15 – 8h30	- Thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký - Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu - Thông qua quy chế Đại hội - Thông qua chương trình của Đại hội	- Ban Tổ chức - Đoàn Chủ tịch - Đoàn Chủ tịch - Đoàn Chủ tịch
8h30 – 8h45	Báo cáo của HĐQT về tình hình sản xuất kinh doanh 2015, kế hoạch 2016 và Tổng kết nhiệm kỳ II (2011-2015); Phương hướng nhiệm kỳ III (2016-2020)	Đoàn Chủ tịch
8h45 – 8h55	Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2015 và Báo cáo hoạt động nhiệm kỳ II (2011-2015);	Ban kiểm soát
8h55 – 9h00	Báo cáo Tài chính năm 2015 đã được kiểm toán	Kế toán trưởng
9h00 – 9h5	Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2016	Đoàn Chủ tịch
9h5 – 9h10	Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2015, kế hoạch năm 2016	Đoàn Chủ tịch
9h10 – 9h15	Thông qua Tờ trình báo cáo chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2014, kế hoạch năm 2015	Đoàn Chủ tịch
9h15 – 9h20	Thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty	Đoàn Chủ tịch
9h20 – 10h00	Bầu cử thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ III (2016-2020)	Đoàn Chủ tịch
	- Công bố văn bản giới thiệu nhân sự tham gia ứng cử vào HĐQT-BKS - Hướng dẫn ghi phiếu và bỏ phiếu bầu cử - Cổ đông bỏ phiếu bầu cử HĐQT và BKS - Kiểm phiếu bầu cử	Đoàn Chủ tịch Ban kiểm phiếu Ban kiểm phiếu
	Các vấn đề khác (nếu có)	
10h00 – 10h30	Thảo luận, góp ý kiến	Đoàn Chủ tịch
10h30 – 10h40	Biểu quyết các vấn đề tại Đại hội	Đoàn Chủ tịch
10h40 – 10h45	Thu phiếu biểu quyết	Ban kiểm phiếu
10h – 11h15	Đại hội nghỉ giải lao	
11h15 – 11h20	Công bố kết quả kiểm phiếu các vấn đề của Đại hội	Ban kiểm phiếu
11h20 – 11h25	Hội đồng quản trị họp phiên thứ nhất bầu Chủ tịch HĐQT	Hội đồng quản trị
11h20 – 11h25	Ban kiểm soát họp bầu Trưởng ban kiểm soát	Ban kiểm soát
11h25 – 11h35	Công bố kết quả bầu Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Ra mắt thành viên HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc nhiệm kỳ III (2016-2020)	Ban kiểm phiếu
11h35 – 11h40	Thông qua Nghị quyết Đại hội	Ban thư ký
11h40 – 11h45	Bế mạc Đại hội	Đoàn Chủ tịch

Số: /BC-HĐQT

Đồng Nai, ngày tháng 3 năm 2016

DỰ THẢO

**BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016

PHẦN I

BÁO CÁO THỰC HIỆN NĂM 2015 VÀ KẾ HOẠCH 2016

A/ THỰC HIỆN NĂM 2015

Thực hiện Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai được Đại hội thông qua ngày 25/4/2015. Hội đồng Quản trị xin trân trọng báo cáo với Đại hội kết quả công tác quản trị Công ty năm 2015 và định hướng hoạt động năm 2016 như sau:

I/ Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2015:

Trong năm qua, giá trị các hợp đồng thi công xây lắp từ cuối năm 2014 chuyển sang có giá trị lớn (trên 200 tỷ đồng) nên công ty không gặp khó khăn trong việc tìm việc làm cho năm 2015. Tuy nhiên, áp lực hoàn thành tiến độ thi công trong điều kiện vốn lưu động hạn chế đã gây khó khăn rất lớn cho Công ty trong việc bố trí các nguồn vốn thi công công trình. Ngoài ra, các dự án đầu tư của Công ty cũng không triển khai được theo kế hoạch do vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và các thủ tục đầu tư xây dựng đã gây không ít khó khăn.

Trong điều kiện kinh doanh trong năm qua không thuận lợi, vẫn còn nhiều khó khăn nhưng HĐQT Công ty đã nỗ lực triển khai thực hiện theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2015; kịp thời đưa ra những quyết định phù hợp, cùng với Ban Tổng giám đốc và CB-NV Công ty đã đạt được một số kết quả như sau:

1/ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015.

(Theo số liệu đã được kiểm toán)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Th/hiện 2014	K/hoạch ĐHĐCĐ 2015	Th/hiện 2015	(%) thực hiện/kế hoạch
1	Tổng Doanh thu và thu nhập khác	139.586	200.000	209.670	104,83%
	+ Doanh thu xây lắp, cho thuê bến bãi, cho thuê xe ...	108.194	171.200	202.146	
	+ Doanh thu dự án KCN Thạnh	2.737	6.500	349	

STT	Nội dung	Th/hiện 2014	K/hoạch ĐHĐCĐ 2015	Th/hiện 2015	(%) thực hiện/kế hoạch
	<i>Phụ(bán hàng và cung cấp dịch vụ)</i>				
	+ Doanh thu mỏ đá	2.116	3.500	0	
	+ Doanh thu mỏ cát	2.943	3.900	1.680	
	+ Doanh thu bán nhà	1.818			
	+ Doanh thu XN bê tông nhựa Đăk Nông	17.274	9.300	13.235	
	+ Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	4.504	5.600	4.408	
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	1.394	3.600	1.489	41,36%
3	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	3%	7%	4%	

Năm 2015, nguồn vốn của Công ty thường xuyên không đáp ứng được yêu cầu sản xuất, nên áp lực về vốn lưu động cho sản xuất rất lớn. Hơn nữa, nguồn vốn ngân sách Nhà nước nợ chưa thanh toán cho Công ty và vốn đọng lại từ các công trình đã hoàn tất thi công nhưng chưa quyết toán là rất lớn đã ảnh hưởng đến việc xoay vốn và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, trong năm 2015, Công ty cũng đã cố gắng, nỗ lực hết sức để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch như chỉ tiêu doanh thu, nộp ngân sách nhà nước, tuy nhiên chỉ tiêu lợi nhuận không đạt do chi phí tài chính tăng cao.

2/ Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

DỰ ÁN KCN THẠNH PHÚ (177 hécta):

Được sự chỉ đạo của Tổng Công ty và chấp thuận của UBND tỉnh Đồng Nai tại quyết định số 3271/QĐ-UBND ngày 23/10/2015, Công ty đang tiến hành thủ tục chuyển giao chủ đầu tư KCN Thạnh Phú cho Công ty CP Sonadezi Long Bình tiếp nhận tiếp tục thực hiện đầu tư và kinh doanh. Hiện tại đang chờ hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng quản trị đã có nghị quyết yêu cầu Tổng giám đốc Công ty làm việc với Tổng Công ty Sonadezi và Công ty Sonadezi Long Bình hoàn thành công tác bàn giao trước ngày 30 tháng 6 năm 2016.

DỰ ÁN MỎ ĐÁ TÂN CANG 4 (25,674 hécta):

Tổng mức đầu tư thực hiện dự án đến hết năm 2015 khoảng 60 tỷ đồng trên tổng mức đầu tư điều chỉnh khoảng 82 tỷ đồng.

Về công tác đền bù: Đã có quyết định bồi thường 23,5 ha, trong đó diện tích đã được Nhà nước giao đất là 17,7 ha; Tổng số tiền chi trả bồi thường đã chuyển cho TTPTQĐ là 42 tỷ đồng – tương đương diện tích bồi thường khoảng 21 ha. Hiện đang tiếp tục công tác đền bù diện tích còn lại.

Về công tác khai thác: Đã hợp tác với đối tác khai thác bóc đất tầng phủ đến tầng đá phong hoá được khoảng 12 ha; Trong năm 2015 đã thương thảo thống nhất với 2 đối tác hợp tác kinh doanh đang trình Tổng Công ty xem xét chấp thuận phương án hợp tác kinh doanh và lựa chọn đối tác.

DỰ ÁN MỎ CÁT ĐẮK LUA (20 Km đường sông):

Trong năm 2015, Xí nghiệp cát Đăk Lua đã thực hiện khai thác và kinh doanh được sản lượng 30.000 m³ cát.

Tổng doanh thu kinh doanh cát 5 tỷ đồng – đạt 128,21% kế hoạch đề ra (kế hoạch 3,9 tỷ đồng). Doanh thu ghi cho Công ty (tương ứng theo tỷ lệ vốn góp) là 1,680 tỷ đồng.

DỰ ÁN TRẠM TRỘN BÊ TÔNG NHỰA ĐẮK NÔNG

Sản lượng BTN sản xuất bán ngoài là 2.688 tấn;

Sản lượng BTN sản xuất gia công 24.632 tấn;

Sản lượng BTN nhựa sản xuất nội bộ 12.592 tấn.

Dự án chủ yếu để phục vụ cho công trình Quốc lộ 14 – tỉnh Đắk Nông. Đến giữa năm 2015 công trình Quốc lộ 14 đã hoàn thành. Đang thực hiện trình tự thủ tục chuyển trạm trộn bê tông nhựa về khu vực mỏ đá Tân Cang 4, phục vụ các công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

DỰ ÁN VĂN PHÒNG CÔNG TY:

Đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với 02 đối tác, lập xong dự án đầu tư và thiết kế xây dựng khu văn phòng mới cho công ty.

UBND tỉnh đã có chủ trương cho phép cải tạo nhà văn phòng hiện hữu để cho thuê và xin Sở Xây dựng cho phép xây dựng tạm để phù hợp với mục đích đầu tư.

Hội đồng quản trị đã có Nghị quyết giao Tổng giám đốc hoàn thành thủ tục xin chủ trương xây dựng tạm, thời hạn trước ngày 30 tháng 6 năm 2016

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH:

Kết quả đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sonadezi Dịch vụ trong năm 2015 với cổ tức được chia là 150.000.000đ (15 %).

II/ Hoạt động, thù lao và chi phí của Hội đồng quản trị năm 2015

1/ Hoạt động của Hội đồng quản trị

a/ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Số lượng CP	Vai trò thành viên	Ghi chú
1	Trần Anh Dũng	514.063	Không tham gia điều hành trực tiếp	Là Đại diện vốn NN tại Công ty
2	Bì Long Sơn	372.150	Tham gia điều hành trực tiếp	Là Đại diện vốn NN tại Công ty
3	Trần Hương Quảng	322.530	Không tham gia điều hành trực tiếp	Là Đại diện vốn NN tại Công ty
4	Phan Quốc Anh	100.000	Không tham gia điều hành trực tiếp	Sở hữu cá nhân

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị tổ chức 5 cuộc họp định kỳ như sau:

- Họp ngày 13/3/2015:

Nội dung:

+ Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014; Thực hiện kế hoạch Quý I năm 2015 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015;

+ Tờ trình thông qua về việc điều chỉnh lương kinh doanh cho bộ phận gián tiếp.

Kết quả Biểu quyết:

- + Đồng ý: 4 thành viên;
- + Không đồng ý: 0 thành viên.

- Họp ngày 22/4/2015;

Nội dung:

- + Thống nhất nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015.
- + Thông qua việc từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2011 – 2015).

Kết quả Biểu quyết:

- + Đồng ý: 4 thành viên;
- + Không đồng ý: 0 thành viên.

- Ngày 21/8/2015 lấy ý kiến bằng văn bản;

Nội dung:

+ Thống nhất về việc chuyển đổi Chủ đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Thạnh Phú, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai hiện nay là Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai san Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình.

+ Thống nhất Thanh lý tài sản Trạm trộn Bê tông nhựa nóng và Trạm cân ô tô 60 tấn tại KCN Biên Hòa 1.

Kết quả Biểu quyết:

- + Đồng ý: 4 thành viên;
- + Không đồng ý: 0 thành viên.

- Họp ngày 09/9/2015;

Nội dung:

+ Thay đổi người giao dịch tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”).

Sau khi các thành viên xem xét tình hình hoạt động kinh doanh thực tế, nhu cầu vốn để

đáp ứng cho hoạt động kinh doanh của Công ty, các Thành viên nhất trí các nội dung sau:

+ Đồng ý để ông Đặng Thành Long (CMND: 270688303; Nơi cấp: CA tỉnh Đồng Nai; Ngày cấp: 28/4/2009) là Phó Tổng Giám đốc được đại diện cho Công ty ký các giấy tờ giao dịch liên quan với Ngân hàng để đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty.

+ Thời hạn thay đổi người giao dịch:

- Lần 1: Từ ngày 12/9/2015 đến ngày 29/9/2015.
- Lần 2: Từ ngày 03/10/2015 đến ngày 11/10/2015.

Kết quả Biểu quyết:

- + Đồng ý: 4 thành viên;
- + Không đồng ý: 0 thành viên.

- Họp ngày 01/12/2015;

Nội dung:

- + Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2015; kế hoạch Quý IV năm 2015 và xây dựng chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016;
- + Thông qua Dự án đầu tư điều chỉnh khai thác đá xây dựng mỏ Tân Cang 4;
- + Thông qua phương án hợp tác kinh doanh trên khu đất 2,7 ha tại xã Thiện Tân;
- + Báo cáo kết quả lấy ý kiến Thành viên HĐQT về việc chuyển đổi chủ đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Thạnh Phú;
- + Báo cáo kết quả lấy ý kiến Thành viên HĐQT về việc bổ nhiệm lại các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng;
- + Báo cáo kết quả về việc HĐQT ủy quyền Tổng giám đốc ký vay vốn lưu động tại ngân hàng BIDV; vay bổ sung vốn lưu động thực hiện dự án BOT Quốc lộ 91 tại ngân hàng Viettin bank; vay vốn thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng KCN Thạnh Phú tại ngân hàng BIDV;
- + Báo cáo tình hình thực hiện dự án chuyển đổi khu vực Văn phòng Công ty;
- + Báo cáo kết quả tình hình thực hiện Tái cấu trúc Công ty;
- + Báo cáo kết quả thanh lý Trạm trộn bê tông nhựa nóng KCN Biên Hòa 1;
- + Giải thể Xí nghiệp bê tông nhựa nóng Đắc Nông.

Kết quả Biểu quyết:

- + Đồng ý: 4 thành viên;
- + Không đồng ý: 0 thành viên.

2./ Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2015 về mức chi thù lao cho Hội đồng quản trị như sau:

Tổng thù lao HĐQT: 54.000.000 đồng

- + Chủ tịch HĐQT: 1.500.000 đồng/người/tháng;
- + Thành viên HĐQT: 1.000.000 đồng/người/tháng;

Các cuộc họp Hội đồng quản trị đều được tổ chức tại Công ty nên trong năm không phát sinh chi phí cho hoạt động của Hội đồng quản trị.

B/ KẾ HOẠCH NĂM 2016

Trong bối cảnh chung của nền kinh tế và năng lực của Công ty hiện nay, Hội đồng quản trị đề ra phương hướng, kế hoạch hoạt động chung trong năm 2016 như sau:

1./ Mục tiêu chung: năm 2016 hội đồng quản trị vẫn xác định tập trung chính vào 2 mục tiêu chủ yếu là:

- Công tác xây lắp công trình vẫn là ngành nghề chính, chiếm doanh thu chủ đạo, từng bước nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng các yêu cầu cạnh tranh của thị trường trong tình nhà. Tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành các công trình, bàn giao cho chủ đầu tư theo tiến độ đã đăng ký trong năm. Thực hiện quản trị, giám sát chặt chẽ việc điều hành công tác thi công xây lắp ngay từ các tháng đầu năm; sản xuất Bê tông nhựa nóng: hoàn thành công tác di dời trạm trộn, tìm kiếm khách hàng, đảm bảo chất lượng và tiết kiệm để có hiệu quả; chú trọng chỉ đạo công tác tìm kiếm các công trình trong tỉnh, đẩy nhanh công tác làm hồ sơ thanh toán và quyết toán công trình.

- Về dự án: tập trung chính vào mỏ đá Tân Cang 4, tạm thời trong năm 2016 chưa chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng cho phần diện tích còn lại chưa thu hồi được, xây dựng hạ tầng và mở moong khai thác có doanh thu khai thác đá trong quý III năm 2016 và ổn định doanh thu cho các năm kế tiếp. Thúc đẩy việc triển khai thực hiện dự án Văn phòng Công ty của Công ty.

- Nhiệm vụ khác: thực hiện tái cấu trúc Công ty và nâng cao năng lực của Công ty.

2/ Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2016
1	Tổng Doanh thu	Tr.đ	150.000
	+ Doanh thu xây lắp	Tr.đ	130.000
	+ Doanh thu mỏ đá		7.000
	+ Doanh thu mỏ cát		1.700
	+ Doanh thu XN bê tông nhựa nóng Đăk Nông		9.000
	+ Doanh thu cho thuê Bến thủy nội địa, sân bãi		2.000
	+ Doanh thu HĐ tài chính + lãi ứng vốn thi công		
	+ Doanh thu thu nhập khác		300
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đ	1.200
3	Tổng số thuế và các khoản phát sinh phải nộp Ngân sách Nhà nước	Tr.đ	4.000
4	Tỷ lệ cổ tức trên vốn Điều lệ	%	4
5	Thu nhập b/q người lao động/người/tháng	Tr.đ	5,5

3/ Giải pháp thực hiện:

a/ Về Nhân lực:

- Tổ chức sắp xếp lại các Đội thi công đủ mạnh để thi công các công trình; Tùy mức độ yêu cầu từng công trình, có thể liên kết với các đơn vị ngoài để thực hiện.

- Đối với lực lượng lao động trực tiếp: bổ sung công nhân lao động lành nghề để đáp ứng yêu cầu về tiến độ, chất lượng, mỹ quan trong sản xuất. Thiết lập hệ thống thầu phụ chuyên nghiệp theo từng công việc để thực hiện.

- Đối với lao động gián tiếp: nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên, đặc biệt là cán bộ giám sát và thanh quyết toán công trình bằng cách tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn và đào tạo tại chỗ. Bố trí sắp xếp lao động hiện có hợp lý không tuyển thêm lao động gián tiếp.

- Tiếp tục sắp xếp, bố trí, đề bạt nhân sự hợp lý để phát huy hết năng lực của người lao động.

- Xây dựng lại quy chế trả lương, đảm bảo chính sách tiền lương khuyến khích tăng năng suất lao động, đảm bảo ổn định cho người lao động.

- Giáo dục tinh thần trách nhiệm cho Người lao động trong công việc và chấp hành thỏa ước lao động tập thể đã được ký kết.

b/ Về Tài chính:

- Tiếp tục nghiên cứu đề xuất phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty.

- Trong tình hình Công ty thường xuyên bị thiếu vốn lưu động, Công ty xây dựng kế hoạch tài chính cụ thể cho từng tháng, từng quý để đảm bảo vốn cho hoạt động thi công xây lắp, các dự án đầu tư.

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ các công trình đã hết hạn bảo hành, thu hồi các khoản công nợ tồn đọng.

PHẦN II
BÁO CÁO TỔNG KẾT NHIỆM KỲ II (2011-2015)
VÀ KẾ HOẠCH NHIỆM KỲ III (2016-2020)

A/ BÁO CÁO TỔNG KẾT NHIỆM KỲ II (2011-2015)

I/ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Doanh thu	121.117	126.320	160.115	139.584	209.670
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	990	903	1.181	1.394	1.489
3	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	7%	5%	5%	3%	4%

II/ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRONG NHIỆM KỲ II (2011-2015)

1/ Công tác tổ chức:

- Năm 2011 số thành viên HĐQT là 05 thành viên.
- Năm 2012 số thành viên HĐQT còn 04 thành viên: giảm 1 thành viên do ông Huỳnh Phú Kiệt làm đơn từ nhiệm.
- Năm 2013 số thành viên HĐQT là 04 thành viên: ông Phạm Văn Hường làm đơn từ nhiệm vì lý do chấm dứt HĐLĐ và bầu bổ sung ông Trần Hương Quảng thay thế.
- Năm 2014 số thành viên HĐQT là 04 thành viên: giữ nguyên không thay đổi.
- Năm 2015 số thành viên HĐQT là 04 thành viên: trong đó thay đổi ông Nguyễn Hữu Hạnh làm đơn từ nhiệm và bầu thay thế bằng ông Trần Anh Dũng.
- củng cố, ổn định cơ cấu tổ chức của Công ty, thành lập mới 2 Xí nghiệp (Xí nghiệp Cát Đắc Lua, Xí nghiệp BTNN Đắc Nông), chia tách và sáp nhập một số phòng ban cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Năm 2015 Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc (thực hiện theo Luật doanh nghiệp mới).
- Hàng năm HĐQT bổ nhiệm lại các chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng (vì các chức danh này bổ nhiệm năm 1 lần).

2/ Tình hình tài chính:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu thấp (24,81 tỷ đồng), để đầu tư vào các dự án và đảm bảo vốn cho thi công xây lắp, công ty phải vay ngân hàng, cụ thể như sau:
 - + Vay vốn thực hiện dự án mỏ đá Tân Cang 4: 40 tỷ đồng
 - + Vay đầu tư trạm trộn BTNN: 9,9 tỷ đồng
 - + Vay vốn lưu động 60 tỷ đồng.
- Việc chưa chuyển giao xong Chủ đầu tư KCN Thạnh Phú cho Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình làm giảm xếp hạng tín dụng của Công ty ở hệ thống Ngân hàng, làm ảnh hưởng đến việc vay vốn thực hiện dự án Mỏ đá Tân Cang 4.
- Công ty luôn trong tình trạng thiếu vốn để thi công công trình do công ty thực hiện nhiều công trình từ nguồn ngân sách nhà nước và phần lớn hợp đồng thi công đều có bù giá, công tác thanh quyết toán mất nhiều thời gian; thực hiện nhiều công trình có giá trị lớn cùng lúc, ở nhiều địa bàn xa (Đaknông, Cần Thơ) yêu cầu lượng vốn lưu động rất lớn và phải bố trí vốn để thực hiện các dự án đầu tư.

- Về việc quản lý công nợ đến thời điểm 31/12/2015:

Công nợ phải thu các công trình từ nguồn vốn ngân sách còn 7,438 tỷ đồng, trong đó:

+ Ban QLDA Nhơn Trạch: 185 triệu đồng.

+ Ban QLDA Định Quán: 725 triệu đồng.

+ Ban QLDA Biên Hòa: 3.418 triệu đồng

+ Công ty Môi trường Đô thị Đồng Nai: 3.110 triệu.

- Các khoản nợ phải thu tồn đọng khi cổ phần hóa, từ trước ngày 30/12/2005:

+ Các công trình xã hội hóa đã được Ủy ban tỉnh và sở Tài Chính đã xử lý chi trả cho Công ty gần hết hiện còn lại: Phường Tân Hiệp còn nợ 140 triệu đồng; Phòng quản lý Đô thị Biên Hòa còn nợ 193 triệu đồng.

+ Ban quản lý dự án dân dụng & công nghiệp Đồng Nai nợ 163 triệu (công trình cụm công nghiệp vật liệu Hồ Nai 3).

- Công nợ phải thu thi công các gói thầu trên QL 14 Đắc Nông là: 32,5 tỷ đồng

+ Gói số 2 (cung cấp và thảm BTN): 4 tỷ đồng

+ Gói số 9 (cung cấp và thảm BTN): 2 tỷ đồng

+ Cho thuê dây chuyền sản xuất BTNN: 1,5 tỷ đồng

+ Công nợ xây lắp gói thầu DDN5, DDN6, ĐN10A: 25 tỷ đồng.

- Về giải quyết chế độ trợ cấp cho người lao động cũng làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty (bình quân mỗi năm chi trả khoảng 500 triệu đồng).

- Nợ Ngân hàng và nhà cung cấp: **170,7 tỷ đồng**

Trong đó:

+ Ngân hàng Vietcombank: 38,5 tỷ đồng

+ Ngân hàng Viettinbank: 13,9 tỷ đồng

+ Ngân hàng BIDV: 74,2 tỷ đồng

+ Nhà cung cấp: 41,1 tỷ đồng

3/ Công tác thi công xây lắp:

- Về công tác tham gia đấu thầu các công trình: các chỉ tiêu về tài chính (vốn, tỷ số nợ, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu ...) là yếu điểm của công ty.

- Tiến độ thi công: một số công trình còn chậm tiến độ, ngoài các yếu tố khách quan (vướng đền bù giải tỏa, xử lý kỹ thuật, thay đổi thiết kế...), chủ yếu chậm tiến độ do năng lực của Đội thi công còn yếu và vốn lưu động không đủ đáp ứng.

- Về chất lượng công trình: đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

4/ Các dự án:

a/ Dự án KCN Thạnh Phú: đã có quyết định chuyển giao Chủ đầu tư cho Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình ngày 23/10/2015. Hiện tại đang thực hiện các thủ tục chuyển giao Chủ đầu tư.

b/ Dự án Mở đá Tân Cang 4:

- Công tác Bồi thường giải phóng mặt bằng:

+ Tổng diện tích đã có quyết định bồi thường chi tiết đến nay 23,5 ha.

+ Tổng kinh phí Công ty đã chuyển nộp cho TTPTQĐ để thực hiện chi trả: 42.757.767.000 đồng (trong đó đã được chi trả cho người dân và TTPTQĐ với tổng số tiền là 31.271.929.000 đồng).

+ Tổng diện tích đã được giao đất: 17,70 ha

- + Tổng diện tích đang khai thác bóc đất tầng phủ: 15 ha.
- + Tổng diện tích đã có quyết định cho thuê và ký hợp đồng thuê đất: 7,7 ha.
- Công tác Sản xuất:
- + Tiếp tục phối hợp với đối tác thực hiện bóc đất tầng phủ.
- + Công tác bóc phủ chậm vì chưa có đường vận chuyển, trong khi đó đường vận chuyển tạm tương đối xa, đi lại rất khó khăn.
- + Đã san ủi xong cơ bản trên 2 ha diện tích chế biến.
- + Đang thương thảo với Đối tác kinh doanh.
- Công tác đầu tư XDCB và các thủ tục pháp lý:
- + Xin giấy chứng nhận đủ điều kiện PCCC.
- + Đã thực hiện xong thủ tục xin cấp giấy phép xả thải nước thải.
- + Đã lập lại dự án đầu tư.
- + Đã có quyết định điều chỉnh công suất và thời gian khai thác đến năm 2031.

c/ Dự án mỏ Cát Đặc Lua:

- Đã thực hiện khai thác ổn định, Công ty góp 34% vốn đầu tư (trong đó doanh thu ghi nhận của Công ty khoảng 1,7 tỷ đồng).

- Doanh thu bình quân mỗi năm khoảng 5 tỷ đồng.

d/ Dự án 12 ha Bửu Long:

Đang hoàn tất hồ sơ chuyển nhượng căn nhà C14 cho người mua.

e/ Dự án Bến thủy nội địa (Trạm BTN KCN Biên Hòa 1):

- Mở được bến thủy nội địa và đã đi vào hoạt động.

- Đã bán thanh lý xong trạm trộn BTNN KCN Biên Hòa 1.

- Đã tìm được đối tác ký thỏa thuận hợp tác kinh doanh khu đất trạm trộn BTNN và đang thực hiện dự án.

f/ Dự án Khu văn phòng công ty:

- Đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với 02 đối tác, lập xong dự án đầu tư và thiết kế xây dựng khu văn phòng mới cho công ty.

- UBND tỉnh đã có chủ trương cho phép cải tạo nhà văn phòng hiện hữu để cho thuê và xin Sở Xây dựng cho phép xây dựng tạm để phù hợp với mục đích đầu tư.

- Đang chờ hoàn thiện thủ tục pháp lý, dự kiến quý III/2016 bàn giao mặt bằng cho Đối tác thực hiện xây dựng.

g/ Các dự án khác trên phần đất Công ty đang quản lý: (khu đất Hạt 3 xã Lang Minh; Đất Hạt 2 xã Bình Hòa; Đất 2,7ha xã Thiện Tân):

- Đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh khu đất 2,7 ha Thiện Tân với đối tác.

- Tìm kiếm các đối tác để hợp tác kinh doanh hoặc chuyển nhượng các khu đất còn lại.

h/ Xí nghiệp BTNN Đăk Nông:

- Sản xuất được: 73.068 tấn BTNN

- Giai đoạn đầu thành lập, công nhân vận hành Trạm chưa đủ trình độ vận hành Trạm mới hiện đại do vậy chất lượng BTNN chưa đều.

- Hiện nay các gói thầu QL14 đã thi công xong, thị trường tại tỉnh Đăk Nông rất ít. Do vậy, Công ty đang lập phương án di dời Trạm về khu chế biến trên mỏ đá Tân Cang4.

5/ Công tác khác:

- Giải quyết xóa được khoản nợ thuế thu nhập doanh nghiệp gần 17 tỷ đồng và khoản phạt chậm nộp 05 tỷ đồng.

- Đầu tư máy móc thiết bị:

+ Đầu tư được 1 Trạm trộn BTNN công suất 120 tấn/giờ trị giá: 16 tỷ đồng đặt tại tỉnh Đắk Nông.

+ Đầu tư mới 02 xe ben trị giá 3,4 tỷ đồng

+ Đầu tư 01 Xe Rùa thảm BTNN trị giá 1,6 tỷ đồng

+ Xe tưới nhựa lót giá trị 600 triệu đồng

B/ KẾ HOẠCH NHIỆM KỲ III (2016-2020)

I/ CÁC CHỈ TIÊU

Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu	150.000	150.000	160.000	170.000	180.000
2	Nộp ngân sách	4.000	4.000	4.100	4.200	4.300
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.200	2.500	3.000	3.500	4.000
4	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	4%	7%	8%	9%	10%
5	Thu nhập b/q người lao động	5,5	6,0	6,5	7,0	7,5

Ghi chú: Các chỉ tiêu trên chưa tính dự kiến phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

II/ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1/ Công tác tổ chức:

- Tiếp tục sắp xếp, bố trí, đê bạt nhân lực một cách hợp lý để phát huy hết khả năng của người lao động.

- Duy trì tốt công tác kiểm tra giám sát.

- Đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn của CB.CNV để đáp ứng yêu cầu công việc.

2/ Tình hình tài chính:

- Tiếp tục nghiên cứu phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ khi có dự án đầu tư.

- Bảo vệ hạn mức tín dụng tại Ngân hàng để bảo đảm vốn lưu động.

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ.

3/ Xây lắp:

- Tập trung tìm việc làm từ các địa phương trong tỉnh và các đơn vị thành viên trong tổ hợp Sonadezi; tổ chức thi công hợp lý, đảm bảo chất lượng và tiến độ; chú trọng công tác hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu hoàn thành giai đoạn và nghiệm thu, quyết toán toàn công trình; thanh toán tiền thi công từng đợt và thanh quyết toán hoàn thành công trình đúng thời hạn để đảm bảo hiệu quả việc quay vòng vốn.

- Xem xét định hướng những loại máy móc, thiết bị Công ty đầu tư và những loại máy móc, thiết bị đơn vị sản xuất tự đầu tư để quản lý và điều hành cho hiệu quả.

- Bố trí hợp lý phát huy hết năng lực, công suất thiết bị, xe máy của Công ty đã đầu tư.

- Xem xét điều chỉnh các định mức kinh tế kỹ thuật xe máy, thiết bị trong thi công, sản xuất đảm bảo phù hợp với thực tế và hiệu quả trong sử dụng.

- Chủ động lập kế hoạch cung cấp vật tư, nhiên liệu kịp thời cho các Đội thi công, Xí nghiệp BTNN để đảm bảo sản xuất, không làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công các công trình.

4/ Các dự án:

a/ Dự án KCN Thạnh Phú: hoàn thành việc bàn giao Chủ đầu tư cho Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình.

b/ Dự án Mỏ đá Tân Cang 4:

Hỗ trợ đối tác trong việc triển khai thực hiện dự án nhằm sớm có doanh thu (dự kiến trong quý III/2016), đảm bảo nguồn tiền trả nợ gốc khoản vay ngân hàng và góp phần cải thiện hiệu quả SXKD của Công ty.

c/ Dự án mỏ Cát Đắc Lua:

Tiếp tục tìm kiếm, mở rộng thị trường để tiêu thụ sản phẩm.

d/ Dự án Bến thủy nội địa (Trạm BTN KCN Biên Hòa 1):

- Theo dõi đối tác thuê mặt bằng thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký kết với Công ty.

e/ Dự án Khu văn phòng công ty:

- Thực hiện nhanh các thủ tục pháp lý để bàn giao mặt bằng cho đối tác thực hiện đầu tư xây dựng dự án (dự kiến trong quý III/2016).

f/ Các dự án khác trên phần đất Công ty đang quản lý:

- Khu đất Hạt 2 xã Bình Hòa và Hạt 3 xã Lang Minh: tìm kiếm khách hàng hợp tác kinh doanh hoặc chuyển nhượng.

- Khu đất Thiện Tân: hoàn thiện xây dựng và triển khai hợp đồng hợp tác kinh doanh.

g/ Xí nghiệp BTNN:

- Di dời Trạm trộn BTNN Đắc Nông về khu vực mỏ đá Tân Cang 4 trong quý II/2016.

- Tìm kiếm thị trường để tiêu thụ sản phẩm BTNN.

Trên đây là Báo cáo thực hiện năm 2015 – Kế hoạch 2016 và Báo cáo Tổng kết nhiệm kỳ II (2011-2015) – Kế hoạch nhiệm kỳ III (2016-2020), Hội đồng quản trị Công ty trình trước Đại hội và mong muốn nhận được ý kiến đóng góp của Quý cổ đông./.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Anh Dũng

Đồng Nai, ngày 22 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2015 VÀ NHIỆM KỲ 2011 - 2015

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Công trình giao thông ĐN

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2015 do Công ty cổ phần Công trình giao thông ĐN lập.

Kết quả tình hình kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty cổ phần Công trình giao thông ĐN như sau:

I. Tình hình góp vốn của các cổ đông:

- Tổng vốn điều lệ là: 24.810.000.000 đồng
- Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 05/02/2016 như sau:

STT	Nội dung	Số lượng (cổ đông)	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ %/VĐL (%)
I	Cổ đông trong nước			
1	Pháp nhân	3	15.910.670.000	64,13%
2	Cá nhân	153	8.899.330.000	35,87%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
1	Pháp nhân	0	0	
2	Cá nhân	0	0	
	Tổng cộng (I+II)	156	24.810.000.000	100

II. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2015:

2.1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2015:

- + Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty thể hiện qua một số chỉ

tiêu như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Thực hiện/Kế hoạch (%)	Thực hiện 2015/2014 (%)
1	Tổng doanh thu	Trđ	139.586	200.000	209.669	104,8%	150,2%
	1.1 Doanh thu bán hàng, dịch vụ	Trđ	133.263				
	Trong đó:						
	- Xây dựng	Trđ	106.286		187.419		
	- Sản xuất bê tông	Trđ	17.778		13.235		
	- KCN Thạnh Phú	Trđ	2.737		348		
	- Kinh doanh cát	Trđ	2.492		1.821		
	- Khác	Trđ	3.970		2.438		
	1.2 Doanh thu hoạt động TC		4.266		3.875		
	1.3 Thu nhập khác		2.057		533		
2	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	1.394	3.600	1.489	41,36%	106,8%
3	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	0,99	2,99	0,71	71,7%	23,7%

Doanh thu năm 2015 đạt so với kế hoạch Tổng Công ty và Đại hội đồng cổ đông giao đồng thời cao hơn so với năm 2014, lợi nhuận thực hiện không đạt so với kế hoạch.

2.2. Nội dung Báo cáo tài chính:

Đơn vị tính: Đồng

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2015	Ngày 01/01/2015
A	TÀI SẢN		
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	287.883.358.288	293.904.758.803
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	12.096.055.510	9.011.339.762
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	500.000.000	6.400.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	239.802.973.974	221.735.479.400
4	Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
5	Hàng tồn kho	30.894.732.972	52.498.957.799
6	Tài sản ngắn hạn khác	4.589.595.832	4.258.981.842
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	98.758.201.160	75.490.115.134
1	Phải thu dài hạn	1.413.785.600	884.130.836
2	Tài sản cố định	40.756.908.869	21.852.888.639
3	Bất động sản đầu tư	7.977.975.396	-

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Ngày 31/12/2015	Ngày 01/01/2015
4	Tài sản dở dang dài hạn	47.485.720.841	41.495.484.444
5	Đầu tư tài chính dài hạn	1.000.000.000	10.320.000.000
6	Tài sản dài hạn khác	118.810.454	937.611.215
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	386.636.559.448	369.394.873.937
B	NGUỒN VỐN		
I	NỢ PHẢI TRẢ	338.931.581.428	322.627.666.954
1	Nợ ngắn hạn	153.243.161.513	123.159.037.501
2	Nợ dài hạn	185.688.419.915	199.468.629.453
II	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	47.704.978.020	46.767.206.983
1	Vốn chủ sở hữu	47.704.978.020	46.767.206.983
	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>24.810.000.000</i>	<i>24.810.000.000</i>
	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>21.219.659.412</i>	<i>21.182.884.718</i>
	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>1.675.318.608</i>	<i>774.322.265</i>
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	386.636.559.448	369.394.873.937

III. Nhận xét và kiến nghị của ban kiểm soát:

3.1.1 Tình hình tài chính:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đến 31.12.2015 là: 30.894.732.972 đồng, Ban kiểm soát không tiến hành kiểm kê thực tế tại hiện trường tại thời điểm 31.12 do đó Công ty tự chịu trách nhiệm về giá trị dở dang phản ánh trên sổ sách kế toán. Khi có sự điều chỉnh về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các cơ quan thanh tra, kiểm tra Công ty có trách nhiệm điều chỉnh theo quyết định.

- Tình hình tài chính của Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn do hiệu quả kinh doanh quá thấp và lượng vốn không đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Đề nghị Công ty xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh và cơ cấu lại tổ chức quản lý cho phù hợp với nguồn vốn hiện có.

- Về lĩnh vực xây lắp: Trong năm 2015 công việc rất thuận lợi để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao. Tuy nhiên, việc cân đối để hoàn thành các hạng mục công trình trong năm chưa hợp lý dẫn đến dồn một số khối lượng có giá trị lớn tập trung phải hoàn thành vào quý IV. Điều này, gây ra lúng túng, bị động trong điều hành sản xuất và mất cân đối các dòng tiền phục vụ cho sản xuất.

- Giá trị các hợp đồng chuyển tiếp từ năm 2015 chuyển sang năm 2016 nhỏ (chỉ khoảng: 50 tỷ đồng; giá trị hợp đồng ký mới năm 2016 là 29,566 tỷ đồng). Vì vậy, công việc cho quý I -2016 là ổn định, nhưng cho các quý tiếp theo của năm 2016 sẽ không

được thuận lợi nên đề nghị Ban lãnh đạo tích cực tìm kiếm các công trình để có việc làm.

- Ngoài ra các công trình trên QL 14 Đắc Nông, QL 91 Cần Thơ và một số công trình đang đi vào giai đoạn kết thúc, vì vậy cần tập trung các nguồn lực để hoàn thành, nhưng công trình đã vào giai đoạn cuối nên các sản lượng thực thi sẽ không được thanh toán vì phải chờ quyết toán và giữ bảo lưu công trình (khoảng 10% giá trị hợp đồng). Do đó dòng tiền thu vào sẽ bị đứt quãng và thiếu hụt vốn lưu động cũng làm ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thi công các công trình khác.

- Đến ngày 31/12/2015, công nợ các công trình từ nguồn vốn ngân sách: Ban QLDA Định Quán: 1,655 tỷ; Ban QLDA Biên Hòa: 3,460 tỷ; Ban QLDA huyện Vĩnh Cửu: 3,955 tỷ; Công ty Môi trường Đô thị Đồng Nai: 3,110 tỷ,... Đối với khoản công nợ từ nguồn vốn ngân sách nhà nước phát sinh trước thời điểm cổ phần hóa đến nay số tiền còn phải thu là 496 triệu đồng (P. Tân Hiệp 140 triệu, Phòng QLĐT Biên Hòa 193 triệu, Ban QLDA DD và CN 163 triệu) và các khoản nợ với các Công ty khác cũng đề nghị Công ty tích cực làm việc, gửi văn bản, liên hệ thanh toán công nợ.

- Đề nghị Công ty đôn đốc các Đội thi công và các bộ phận liên quan đẩy nhanh tiến độ thi công và kiểm soát gắt gao tình hình thực hiện để hoàn thành kế hoạch đã đề ra đồng thời rà soát lại năng lực của từng đội thi công để tái cấu trúc, sắp xếp lại cho phù hợp và từng bước nâng cao trình độ quản lý và năng lực tổ chức thi công.

3.1.2 Các dự án:

a. Dự án Mỏ đá Tân Cang 4:(25,674 hécta)

- Đã hoàn thiện tất cả các hồ sơ đền bù, giải tỏa. Tổng số tiền đã chuyển cho TTPTQĐ Biên Hòa đến 31/12/2015 là 42.757.767.000 đồng tương ứng với 12 quyết định bồi thường (trong đó đã chi trả được cho người dân và TTPTQĐ (15%+2%) với tổng số tiền là 31.271.929.000 đồng). Tổng diện tích thu hồi theo quyết định bồi thường là: 23,595 ha (trong đó: diện tích đã thu hồi thực tế được TTQĐ bàn giao cho Công ty 17,7 ha), tổng diện tích đang khai thác bóc đất tầng phủ 15 ha. Tổng diện tích đã có quyết định cho thuê và ký hợp đồng thuê đất: 7,7 ha.

- Công tác bóc phủ đến nay chỉ khai thác cầm chừng vì đường vận chuyển chưa có và đường tạm xa, đi lại rất khó khăn.

- Công ty đã lập xong dự án ký quỹ phục hồi môi trường đồng thời được UBND tỉnh Đồng Nai cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước cho mỏ đá Tân Cang 4.

- Công ty cũng đã tiến hành xong thủ tục xin thuê đất (02 đợt) diện tích là 7,5 (ha) và đã được cấp Giấy CN-QSĐĐ. Thời điểm hiện tại Công ty đang tiến hành thủ tục

xin thuê đất (đợt 3) với diện tích 4,7 ha.

- Công ty đã san ủi xong mặt bằng sân công nghiệp, diện tích trên 3ha và đã ký kết Hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh với đối tác.

Đề nghị Công ty phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Biên Hòa và xã Phước Tân sớm hoàn thiện công tác giải phóng mặt bằng và giao đất cho Công ty để thực hiện dự án, tổ chức bóc tầng phủ, khai thác ra đá thành phẩm có doanh thu để hoàn trả vốn, lãi vay đến hạn; tránh chờ đợi kéo dài thời gian hoàn vốn, giảm hiệu quả của dự án.

b. Dự án KCN Thạnh Phú (177 hécta):

- Công tác Bồi thường giải phóng mặt bằng:

Trong năm 2015 chỉ thực hiện thu hồi khoảng 0,23 ha với tổng kinh phí bồi thường đã chi trả khoảng 1,2 tỷ đồng.

- Công tác xây dựng cơ bản:

+ Hoàn tất công tác quyết toán Nhà xưởng cho thuê số 1.

+ Hoàn tất quyết toán và đưa vào sử dụng tuyến cáp điện tạm lô D1 – cáp điện cho Công ty Đại Nam Phát.

+ Triển khai thi công dọn dẹp mặt bằng lô A5, tuyến chuyển tải nước thải tạm đường số 7, tuyến chiếu sáng đường số 1 khu vực trước cổng công ty Hòa Bình và Nhà máy XLNT. Thi công đường số 1a vào lô A5 và đường số 7 – giai đoạn 2. Hoàn tất thiết kế đường số 4 - đoạn 1a; Triển khai thiết kế hệ thống ATGT KCN.

+ Tổng kinh phí thực hiện: 9,1 tỉ đồng.

- Công tác kinh doanh:

+ Ký hợp đồng với công ty Carbon-cor (chuyên sản xuất vật liệu làm mặt đường) cho thuê diện tích 978 m².

+ Ký thỏa thuận giữ đất với công ty WorkShop-Pro: 01 ha.

+ Khách hàng thuê nhà xưởng số 1: ký biên bản thỏa thuận giữ đất với công ty KL Texwell ViNa.

c. Dự án mỏ cát xã ĐĂLUA (20 Km đường sông):

Trong năm đã khai thác được khoảng 30.000 m³ cát, doanh thu đạt khoảng 5,356 tỷ đồng (trong đó doanh thu của Công ty là 1,821 tỷ đồng tương đương 34%) , tuy nhiên cần xem xét lại các khoản chi phí nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh đối với lĩnh vực này, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu hiện tại chỉ đạt 10%.

d. Dự án bến thủy nội địa (trạm BTN KCN Biên Hòa 1):

Bến đang hoạt động bình thường. Trong năm Công ty đã thực hiện xong trạm trộn BTNN Khu CN Biên Hòa 1 đồng thời ký thỏa thuận hợp tác kinh doanh khu đất trạm trộn BTNN.

Đề nghị công ty tiếp tục duy trì hoạt động thường xuyên của bến.

e. Dự án xây dựng trạm trộn BTNN tại tỉnh ĐắkNông:

- Năm 2015 sản xuất được 12.188,45 tấn, doanh thu 13,376 tỷ.

- Đây là dự án đầu tư vốn khá lớn phục vụ chủ yếu cho QL 14 mà công trình này đã thi công xong đang nghiệm thu đưa vào sử dụng, một thời gian dài trạm không có việc làm, mặt khác khi thảm xong phải sửa chữa nhiều nên rất tốn chi phí. các nhà thầu nợ tiền BTNN khá lớn cũng làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và nguồn vốn của Công ty (đến ngày 31/12/2015 Công ty CP Thanh Hưng nợ: 4,019 tỷ, Công ty CP XD và TM Tuấn Thành nợ: 1,989 tỷ).

Đề nghị Ban lãnh đạo Công ty có phương án tìm kiếm khách hàng, địa điểm đặt trạm, tạo công ăn việc làm cho người lao động đồng thời công ty có chính sách bán hàng hợp lý, đặc biệt chú trọng đến vấn đề thu hồi công nợ để mang lại hiệu quả kinh doanh cao.

f. Dự án khu đất văn phòng công ty và các khu đất khác:

- Dự án 12ha KDC Bửu Long: Đang hoàn tất hồ sơ chuyển nhượng căn nhà C14 cho người mua (bà Phan Thị Ngọc Tuyên).

- Khu đất văn phòng công ty diện tích 15.188 m²:

+ Đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với 02 đối tác xây dựng nhà hàng tiệc cưới. lập xong dự án đầu tư và thiết kế xây dựng khu văn phòng mới cho công ty.

+ Đang xin chủ trương của UBND tỉnh và Sở Xây dựng cho phép xây dựng tạm cho phù hợp với mục đích đầu tư. Đề nghị Công ty điều chỉnh pháp lý về khu đất cho phù hợp với mục đích đầu tư.

- Khu đất mỏ đá Thiện Tân – Vĩnh Cửu diện tích 2,7ha: đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với đối tác.

- Hiện tại các khu đất khác đã có sổ đỏ. Đề nghị Công ty nghiên cứu phương án khai thác, tìm kiếm đối tác đầu tư phù hợp với các khu đất công ty đang quản lý (khu đất xã Lang Minh – huyện Xuân Lộc diện tích 3.494 m², khu đất xã Bình Hòa - huyện Vĩnh Cửu diện tích 854,3m²) để lấy doanh thu phần nào bù đắp tiền thuế đồng thời có nguồn thu từ khai thác các khu đất và tăng doanh thu cho công ty.

IV. Báo cáo tình hình kiểm soát nhiệm kỳ 2011 – 2015:

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần công trình giao thông Đồng Nai được Đại hội đồng cổ đông thường niên bầu để thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty. Đến thời điểm hiện nay, Ban kiểm soát gồm 03 thành viên:

Bà Phạm Thị Hồng	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Nhung	Thành viên
Ông Trịnh Văn Ba	Thành viên

1. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát:

Hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2011-2015) được tiến hành một cách chủ động, theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty, cụ thể:

Giám sát HĐQT, Ban giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

Tham gia ý kiến với HĐQT trong các vấn đề về hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị,...

Xem xét tính hợp lý, tính trung thực của các qui định và qui trình luân chuyển chứng từ kế toán, tổ chức công tác kế toán và lập báo cáo tài chính.

Kiểm tra các báo cáo tài chính giữa niên độ và cả năm. Trình Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính năm lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Kiểm điểm của Ban kiểm soát trong việc thực hiện quyền hạn, chức năng trong công tác kiểm tra giám sát

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát còn những mặt hạn chế sau:

+ Các cuộc họp của Ban kiểm soát chưa thực sự thường xuyên và đúng định kỳ theo quy định.

+ Ban kiểm soát chưa có sự phối hợp hoạt động, trao đổi phản hồi thông tin với các cổ đông.

Thù lao Ban kiểm soát hàng năm: 31.200.000 đồng/năm

Chi phí khác: Không có

Thưởng: Không có

2. Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

2.1. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty CP

Công trình giao thông Đồng Nai đã:

Cung cấp đầy đủ các thông tin và các quyết định của HĐQT, Ban Tổng GD; cung cấp các báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch sản xuất kinh doanh, biện pháp thực hiện qua các năm, báo cáo tài chính cho Ban kiểm soát đúng quy định.

Tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ. Có sự phối hợp hoạt động, trao đổi thông tin giữa HĐQT và Ban kiểm soát nhằm thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

2.2. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm kỳ II (2011-2015)

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản trong nhiệm kỳ II vừa qua:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015
I. Tình hình tài chính					
1. Tổng tài sản	218.915	256.743	340.137	368.801	386.636
A. Tài sản ngắn hạn	187.378	220.307	284.988	293.311	287.883
B. Tài sản dài hạn	31.537	36.436	55.149	75.490	98.753
C. Nợ phải trả	187.171	207.407	291.320	321.126	338.931
D. Vốn chủ sở hữu	30.619	48.174	48.817	47.675	47.705
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	24.810	24.810	24.810	24.810	24.810
- Quỹ đầu tư phát triển	3.017	19.978	19.978	21.183	21.219
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.792	3.386	2.868	1.682	1.675
II. Kết quả HĐSXKD					
1. Tổng doanh thu	121.117	126.320	160.115	139.584	209.670
- DT bán hàng và ccấp dịch vụ	117.351	120.903	155.294	133.263	205.261
- DT hoạt động tài chính	2.961	4.497	4.172	4.265	3.875
- Thu nhập khác	805	920	649	2.056	533
2. Tổng chi phí	120.126	125.415			
- Giá vốn hàng bán	112.185	112.594	145.938	119.839	191.185
- Chi phí bán hàng	36	147	36	544	1.266
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.405	8.557	8.033	10.896	8.219
- Chi phí tài chính	1.500	3.572	4.775	6.282	7.077
- Chi phí khác		545	152	629	431
3. Lợi nhuận trước thuế TNDN	990	903	1.181	1.394	1.489
4. Lợi nhuận sau thuế	924	858	865	1.044	1.013
III Các chỉ số tài chính					
1. <u>Cơ cấu vốn và rủi ro tài chính</u>					
Tỷ lệ nợ phải trả/ tổng tài sản	0,85	0,81	0,86	0,87	0,88
2. <u>Hệ số khả năng thanh toán</u>					
Hệ số thanh toán hiện thời (lần)	1,95	2,07	1,98	2,39	1,88
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1,43	1,70	1,65	1,96	1,68
3. <u>Chỉ tiêu hiệu quả hoạt động</u>					

Chỉ tiêu	2011	2012	2013	2014	2015
Tỷ suất LN trên tổng doanh thu	0,8%	0,7%	0,7%	1,0%	0,7%
Tỷ suất LN trên VĐT của CSH	3,2%	1,9%	2,4%	2,9%	3,1%

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2015 và tổng kết nhiệm kỳ II (2011 -2015). Ban Kiểm soát kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét và có ý kiến chỉ đạo thực hiện.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trường ban QTTH (b/c);
- Lưu BKS.

Phạm Thị Hồng

Số: /TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày tháng 4 năm 2016.

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2015 đã được Kiểm toán

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016**
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.
- Căn cứ Báo cáo quyết toán tài chính niên độ kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL.
- Căn cứ Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2015.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo Tài chính đã kiểm toán năm 2015 với những chỉ tiêu cơ bản sau đây:

Đvt: việt nam đồng

I.	Tổng tài sản	:	386.636.559.448
1.	Tài sản ngắn hạn	:	287.883.358.288
a.	Tiền và các khoản tương đương tiền	:	12.096.055.510
b.	Các khoản phải thu ngắn hạn	:	239.802.973.974
c.	Hàng tồn kho	:	30.894.732.972
d.	Tài sản ngắn hạn khác	:	4.589.595.832
e.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	:	500.000.000
2.	Tài sản dài hạn	:	98.753.201.160
a.	Tài sản cố định	:	40.756.908.869
b.	Tài sản dài hạn khác	:	118.810.454
c.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	:	1.000.000.000
d.	Chi phí XDCB dở dang	:	47.485.720.841
e.	Các khoản phải thu dài hạn	:	1.413.785.600
f.	Bất động sản đầu tư	:	7.977.975.396
II.	Tổng nguồn vốn	:	386.636.559.448
1.	Nợ phải trả	:	338.931.581.428
a.	Nợ ngắn hạn	:	153.243.161.513
b.	Nợ dài hạn	:	185.688.419.915

2.	Vốn chủ sở hữu	:	47.704.978.020
a.	Vốn đầu tư chủ sở hữu	:	24.810.000.000
b.	Các quỹ và LN chưa phân phối	:	22.894.978.020
III.	Kết quả hoạt động kinh doanh:		
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	:	205.261.376.085
2.	Doanh thu thuần	:	205.261.376.085
3.	Giá vốn hàng bán	:	191.185.484.026
4.	Lợi nhuận gộp	:	14.075.892.059
5.	Doanh thu hoạt động tài chính	:	3.875.539.089
6.	Chi phí tài chính	:	7.077.483.401
7.	Chi phí bán hàng	:	1.266.576.086
8.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	:	8.219.193.914
9.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	:	1.388.177.747
10.	Thu nhập khác	:	533.154.332
11.	Chi phí khác	:	431.809.112
12.	Lợi nhuận khác	:	101.345.220
13.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	:	1.489.522.967
14.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	:	476.198.542
15.	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	:	
16.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	:	1.013.324.425
17.	Lợi nhuận sau khi chia lãi Liên doanh		
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	:	368

Kính đề nghị quý cổ đông cho ý kiến biểu quyết thông qua.

Xin cảm ơn Đại hội!

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Anh Dũng

Số: /TTr –BKS

Đồng Nai, ngày tháng năm 2016

TỜ TRÌNH

*V/v: Đề nghị lựa chọn đơn vị
kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.
- Căn cứ năng lực các Công ty kiểm toán được Bộ tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán Báo cáo Tài chính các Công ty đại chúng và Công ty niêm yết;

Để thực hiện công tác kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2016 theo quy định, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai đề xuất lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán DTL (Công ty DTL).

Địa chỉ: 140, Nguyễn Văn Thủ, phường Đakao, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: 08.38276026 Fax: 08.38275027

Giấy phép kinh doanh số: 4102005587

Kính đề nghị quý Cổ đông cho ý kiến biểu quyết thông qua.

Xin cảm ơn Đại hội!

**T/M. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Phạm Thị Hồng

Số: /TTr-HDQT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2016

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2015;
Kế hoạch năm 2016

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016**
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
 - Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.
 - Căn cứ Báo cáo quyết toán tài chính niên độ kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL.
 - Căn cứ Báo cáo của Ban Kiểm soát gửi Đại hội đồng cổ đông, ký ngày 22/3/2016.
- Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2015 và kế hoạch năm 2016 như sau:

1/ Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2015:

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế để trích quỹ và chia cổ tức	1.013.324.425
2	Trích quỹ đầu tư 5%	50.666.221
3	Trích quỹ phúc lợi 5%	50.666.221
4	Trích quỹ khen thưởng 5%	50.666.221
5	Lợi nhuận 2015 còn lại sau khi trích quỹ	861.325.762
6	Lợi nhuận năm trước còn lại	141.722.443
7	Tổng lợi nhuận còn lại chia cổ tức	1.003.048.205
8	Chia cổ tức năm 2015 (400 đ/Cp)	992.400.000
9	Lợi nhuận còn lại chuyển năm 2016	10.648.205

2/ Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016:

- Trích quỹ đầu tư phát triển 5 % Lợi nhuận sau thuế;
- Trích quỹ khen thưởng 5 % Lợi nhuận sau thuế;
- Trích quỹ phúc lợi 5 % Lợi nhuận sau thuế;
- Chi trả cổ tức 4 % vốn điều lệ (400 đ/Cp).

3/ Phương án chi trả cổ tức năm 2015:

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ tình hình tài chính năm 2016 của Công ty để quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông thanh toán cổ tức năm 2015.

Kính đề nghị quý cổ đông cho ý kiến biểu quyết thông qua.

Xin cảm ơn Đại hội !

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng

Số: /TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2016

TỜ TRÌNH

V/v: chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2015;

Kế hoạch năm 2016

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai.
- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội thông qua chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2015, kế hoạch năm 2016 như sau:

1/ Chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2015:

- Thù lao Chủ tịch Hội đồng quản trị: 1.500.000 đồng/người/tháng;
- Thù lao thành viên Hội đồng quản trị: 1.000.000 đồng/người/tháng;
- Thù lao Trưởng Ban kiểm soát: 1.000.000 đồng/người/tháng;
- Thù lao thành viên Ban Kiểm soát: 800.000 đồng/người/tháng;
- Thù ký công ty: 700.000 đồng/người/tháng.

2/ Kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị và lương, thù lao Ban Kiểm soát năm 2016:

- Thù lao Chủ tịch Hội đồng quản trị: 1.500.000 đồng/người/tháng;
- Thù lao thành viên Hội đồng quản trị: 1.000.000 đồng/người/tháng;
- Tiền lương Trưởng ban kiểm soát chuyên trách: 8.800.000 đồng/người/tháng. Các quyền lợi khác của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách tương đương với Kế toán trưởng và sẽ được báo cáo Đại hội đồng cổ đông năm 2017;
- Thù lao thành viên Ban Kiểm soát: 800.000 đồng/người/tháng;
- Thù ký công ty: 700.000 đồng/người/tháng.

Kính đề nghị Quý cổ đông cho ý kiến biểu quyết thông qua.

Xin cảm ơn Đại hội!

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Anh Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Dự thảo)

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI

Đồng Nai, tháng 4 năm 2016

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA TỔNG CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.....	4
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	5
Điều 3. Ngành, nghề và mục tiêu hoạt động.....	5
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	6
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	7
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần.....	7
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu.....	7
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....	8
Điều 9. Thu hồi cổ phần.....	8
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	9
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	10
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền.....	13
Điều 16. Thay đổi các quyền.....	14
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 20. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 21. Điều kiện để nghị quyết được thông qua.....	17
Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	19

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị.....	20
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị.....	20
Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị	22
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng Quản trị	22
Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị	23
Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.	25
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC	26
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	26
Điều 32. Người quản lý	26
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	26
CHƯƠNG IX. TRÁCH NHIỆM VÀ LỢI ÍCH CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÓ	
LIÊN QUAN	27
Điều 34. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc	27
Điều 35. Công khai các lợi ích liên quan	28
Điều 36. Trách nhiệm của người quản lý Công ty	29
Điều 37. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc.	29
Điều 38. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận.....	30
CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT	30
Điều 39. Ban Kiểm soát	30
Điều 40. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên.....	31
Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	31
Điều 42. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	32
Điều 43. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên.....	32
Điều 44. Trách nhiệm của Kiểm soát viên	32
Điều 45. Đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	33
CHƯƠNG XI. QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	33
Điều 46. Quan hệ với đơn vị hạch toán phụ thuộc.....	33
CHƯƠNG XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	34
Điều 47. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	34
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH	
DOANH.....	34
Điều 48. Phân phối lợi nhuận.....	34
Điều 49. Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ.....	35
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ	
THỐNG KẾ TOÁN	35

Điều 50. Tài khoản ngân hàng	35
Điều 51. Năm tài chính	35
Điều 52. Chế độ kế toán.....	35
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	36
Điều 53. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	36
Điều 54. Báo cáo thường niên.....	36
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN	36
Điều 55. Kiểm toán	36
CHƯƠNG XVII. CON DẤU.....	37
Điều 56. Con dấu.....	37
CHƯƠNG XVIII. CÁC TRƯỜNG HỢP GIẢI THỂ, TRÌNH TỰ GIẢI THỂ VÀ THỦ TỤC THANH LÝ TÀI SẢN CÔNG TY	37
Điều 57. Các trường hợp và điều kiện giải thể Công ty.....	37
Điều 58. Trình tự, thủ tục giải thể Công ty	37
Điều 59. Giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	38
Điều 60. Thanh lý tài sản Công ty.....	39
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	39
Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ	39
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	40
Điều 62. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	40
CHƯƠNG XXI. HIỆU LỰC.....	40
Điều 63. Hiệu lực	40

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (sau đây gọi là "Công ty") là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng Quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với pháp luật liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
 - c. "Người quản lý" bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc và Phó giám đốc chi nhánh, Xí nghiệp.
 - d. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
 - đ. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐỒNG NAI**
 - Tên tiếng Anh: **Dona Transportation Construction Joint Stock Company.**
 - Tên giao dịch: **DOTRANCO**

- Logo của Công ty:



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Số 200, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- Điện thoại: (061)3899860

- Fax: (061)3899750

- Email: ctgt@viettel.vn

- Website: ctgtdongnai.com.vn

4. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

CHƯƠNG III MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Ngành, nghề và mục tiêu hoạt động

1. Ngành, nghề kinh doanh:

- Khảo sát, thiết kế, lập tổng dự toán, dự toán các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.

- Đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp. Kinh doanh nhà. Hợp đồng Xây dựng- Kinh doanh- Chuyển giao (BOT). Cho thuê nhà xưởng, kho bãi.

- Kinh doanh xăng, dầu, nhớt (theo quy hoạch mạng lưới xăng dầu đã được UBND tỉnh phê duyệt).

- Sản xuất, kinh doanh bê tông nhựa nóng và các cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông thương phẩm.

- Chế biến đá.

- Nạo vét kênh, rạch.

- Chuẩn bị mặt bằng.

- Hoàn thiện công trình xây dựng.

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở).

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.

- Xây dựng nhà các loại.
- Phá dỡ.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, không hoạt động tại cơ sở).
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Sản xuất gạch, ngói bằng lò nung tuy nèn.
- Kinh doanh khu vui chơi giải trí.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ.
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
- Xây dựng công trình công ích.
- Bán buôn vật liệu xây dựng.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Khai thác và thu gom than bùn (hoạt động khi có giấy phép).
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Hoạt động tư vấn quản lý.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét: Khai thác vật liệu xây dựng.
- Thu gom rác thải độc hại.
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại.
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác.
- Thu gom rác thải độc hại.
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa.
- Bốc xếp hàng hóa cảng đường sông.
- Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng công trình.
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển các nguồn lực, cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, cải thiện điều kiện làm việc, ổn định cuộc sống cho người lao động, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh đã đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 24.810.000.000 VNĐ (Hai mươi tư tỷ, tám trăm mười triệu đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 2.481.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của pháp luật.

3. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11 và Điều 12 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo Điều 129 và 130 Luật Doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên cổ đông và các thông tin khác theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của

Công ty, cổ đông được cấp chứng nhận cổ phiếu. Cổ đông không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, cổ đông có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu cổ đông đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty sau khi hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua số cổ phần đã đăng ký mua, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với tiền lãi trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là

phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (theo tỷ lệ không quá 15% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của cổ đông trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 25 và khoản 1 Điều 45 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;

d. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

đ. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa; Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên mỗi năm một (01) lần trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên của Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều 25 Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;

e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 159 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;
 - e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm;
 - c. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc;
 - đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
 - e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 3 Điều 38 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

a. Cổ đông là tổ chức phải ủy quyền cho người đại diện là cá nhân theo quy định như sau:

- Cổ đông sở hữu đến dưới 10% tổng số cổ phần chỉ được ủy quyền 01 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 30% trở lên tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện.

b. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

c. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;

- Số lượng người đại diện theo ủy quyền và số lượng cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;

- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;

d. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;

- Cổ đông là công ty có phần vốn góp hay cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty (cổ đông) làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty.

2. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

a. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa cử người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 1 Điều này thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

b. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười lăm (15) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức họp;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày họp; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Phiếu biểu quyết;

c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

Việc gửi các tài liệu họp có thể được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

6. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc họp mà cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc họp mà cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định

họp lần thứ hai. Trường họp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông đợc tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 19. Thễ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện đợc ủy quyền của cổ đông một thễ biểu quyết và phiếu biểu quyết, trên đó ghi mã số cổ đông, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện đợc ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, cổ đông giơ thễ biểu quyết và điền vào ô tương ứng trong phiếu biểu quyết. Sau khi thu và kiểm phiếu biểu quyết, tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không họp lệ từng vấn đề đợc Chủ tọa công bố trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc người đợc ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn đợc đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường họp này, hiệu lực của những nội dung đã đợc biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường họp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường họp không bầu đợc người làm chủ tọa thì Trường Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
Trường họp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
6. Chủ tọa có thể hoãn cuộc họp khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng cổ đông dự họp cần thiết.
7. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và họp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã đợc thông qua và phản ánh đợc mong muốn của đa số người dự họp.
8. Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện đợc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích họp. Trường họp có cổ đông hoặc đại diện đợc ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi cuộc họp.
9. Hội đồng Quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp đợc Hội đồng Quản trị cho là thích họp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.

Hội đồng Quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm cuộc họp có thể:

a. Thông báo cuộc họp được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa cuộc họp có mặt tại đó (Địa điểm chính của cuộc họp);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của cuộc họp có thể đồng thời tham dự cuộc họp;

Thông báo về việc tổ chức cuộc họp không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia cuộc họp ở địa điểm chính của cuộc họp.

Điều 20. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

b. Định hướng phát triển Công ty;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Điều 21. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này, các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

4. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng Quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận

được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Công ty;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu, người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ khi kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 của Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị và các cổ đông khác đề cử.

3. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Cách thức theo quy định tại khoản 2 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;
- e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14, khoản 1 và khoản 3 Điều 38 của Điều lệ này;
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương và quyền lợi khác, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng ban Kiểm toán nội bộ; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người này;
- k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- n. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
- q. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);
- r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới là người quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm ít nhất 3 năm trong quản lý kinh doanh cùng lĩnh vực kinh doanh với Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của công ty khác.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc và Phó giám đốc chi nhánh, Xí nghiệp của Công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị bầu một thành viên của Hội đồng Quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm Tổng giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
 - đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số.
4. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng Quản trị và Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

 - a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
 - d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

d. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ hoặc bất cứ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty hoặc khi có một trong các trường hợp sau:

- a. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- b. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng Quản trị;
- c. Có đề nghị của Ban Kiểm soát.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

7. Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị chậm nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo mời họp phải đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng

Quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

10. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác tham dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức nghị sự theo khoản 14 Điều này;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

11. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.

12. Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

13. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị tham dự (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.

14. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những

phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

16. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp.

17. Hội đồng Quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng Quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng Quản trị đề ra.

18. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng Quản trị có thể có sai sót.

Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.

1. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp và Điều 27 Điều lệ này.

b. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị;

c. Có đơn từ chức;

d. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

2. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng Quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

4. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 Điều lệ này. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thành viên Hội đồng Quản trị tạm thời quy định tại khoản 3 Điều này hoặc bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

CHƯƠNG VIII TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, một Kế toán trưởng.

Điều 32. Người quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng người quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty. Người quản lý phải có sự cần cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng với những người quản lý khác do Tổng giám đốc quyết định.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng Quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

c. Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty Sonadezi và người đại diện phần vốn Sonadezi tại Công ty.

4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng Quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các Giám đốc, Phó Giám đốc chi nhánh/xí nghiệp, Trưởng Phó ban thuộc Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;

e. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động.

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

5. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

6. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX

TRÁCH NHIỆM VÀ LỢI ÍCH CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÓ LIÊN QUAN

Điều 34. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

1. Công ty trả thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và trả lương cho Tổng giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao và quyền lợi khác của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, tiền lương Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a. Chủ tịch và các thành viên của Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao và tiền thưởng. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho những công việc thuộc phạm vi nhiệm vụ thông thường của từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b. Chủ tịch và Các thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị;

c. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

d. Tiền lương của Tổng giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.

3. Thù lao, tiền lương của Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Công khai các lợi ích liên quan

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a. Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;

d. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản 4 Điều này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của

Công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 36. Trách nhiệm của người quản lý Công ty

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm:

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

Điều 37. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:

a. Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ này;

b. Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng Quản trị;

c. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ này hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

d. Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

đ. Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

Điều 38. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận:

a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

b. Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

c. Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 35 của Điều lệ này.

2. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo cho Hội đồng Quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 51% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

CHƯƠNG X BAN KIỂM SOÁT

Điều 39. Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp. Trưởng ban kiểm soát làm việc chuyên trách tại Công ty.

3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục

thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 40. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp;
2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc và Phó giám đốc chi nhánh của Công ty;
3. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
4. Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;

Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này;
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu;
Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
7. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 36 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng Quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;

11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 42. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.

4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

5. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

Điều 43. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 44. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng Quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 45. Đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 25% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 40 của Điều lệ này;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

3. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG XI QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Điều 46. Quan hệ với đơn vị hạch toán phụ thuộc

1. Các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty thực hiện hoạt động sản xuất - kinh doanh, hạch toán kế toán, tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác theo chế độ phân cấp, ủy quyền của Công ty và được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị này.

2. Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty do Tổng giám đốc trình Hội đồng Quản trị phê duyệt.

3. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết hợp pháp của các đơn vị hạch toán phụ thuộc theo đúng quy định của pháp luật.

4. Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác đối với những đơn vị hạch toán phụ thuộc theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XII QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 47. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị. Các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ này phải được công bố trên website của Công ty.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH

Điều 48. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận của Công ty.

2. Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp chi trả cổ tức bằng tiền, việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ

1. Trong trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo 2 phương án sau:

a. Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ;

b. Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

2. Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà vẫn không khắc phục được bằng các biện pháp tài chính cần thiết thì Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo Luật phá sản.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 50. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

Điều 51. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Điều 52. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 53. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 54. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI

KIỂM TOÁN

Điều 55. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện

thỏa thuận với Hội đồng Quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII CON DẤU

Điều 56. Con dấu

1. Công ty có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty theo khoản 1 Điều 44 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc thông báo mẫu con dấu với cơ quan có thẩm quyền thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và quy định của Công ty.

4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.

CHƯƠNG XVIII CÁC TRƯỜNG HỢP GIẢI THỂ, TRÌNH TỰ GIẢI THỂ VÀ THỦ TỤC THANH LÝ TÀI SẢN CÔNG TY

Điều 57. Các trường hợp và điều kiện giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- b. Công ty không còn đủ số lượng 03 cổ đông trong thời hạn 6 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và Công ty cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty.

Điều 58. Trình tự, thủ tục giải thể Công ty

Việc giải thể Công ty trong các trường hợp quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 57 của Điều lệ này được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thông qua quyết định giải thể Công ty. Quyết định giải thể Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b. Lý do giải thể;
- c. Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 06 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;
- d. Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
- đ. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Hội đồng Quản trị thành lập Ban thanh lý tổ chức thanh lý tài sản Công ty.

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong Công ty, đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

Trường hợp Công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

4. Các khoản nợ và chi phí giải thể của Công ty được thanh toán theo thứ tự sau đây:

- a. Các chi phí giải thể Công ty;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- đ. Các khoản nợ khác;
- e. Sau khi đã thanh toán hết chi phí giải thể và các khoản nợ của Công ty, phần còn lại chia cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

5. Tổng giám đốc gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của Công ty.

6. Thực hiện các quy định chi tiết về trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp do Chính phủ quy định.

Điều 59. Giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án

Việc giải thể Công ty theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 57 của Điều lệ này thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực, Công ty phải triệu tập họp để quyết định giải thể. Quyết định giải thể và bản sao quyết định thu

hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh của doanh nghiệp. Đối với trường hợp mà pháp luật yêu cầu phải đăng báo thì quyết định giải thể doanh nghiệp phải được đăng ít nhất trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp.

Trường hợp Công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải đồng thời gửi kèm theo quyết định giải thể của doanh nghiệp phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

2. Việc thanh toán các khoản nợ của Công ty được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 58 của Điều lệ này.

3. Tổng giám đốc gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp.

4. Cá nhân người quản lý Công ty có liên quan phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại do việc không thực hiện hoặc không thực hiện đúng quy định tại Điều này.

Điều 60. Thanh lý tài sản Công ty

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự tại khoản 4 Điều 58 Điều lệ này.

CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 61. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp,

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và

yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

CHƯƠNG XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 62. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI HIỆU LỰC

Điều 63. Hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 63 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai nhất trí thông qua ngày / /2016 tại Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc.

Đồng Nai, ngày tháng 4 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC

Bì Long Sơn